

ĐỀ THAM KHẢO – KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT – ĐỀ 4**MÔN: TIẾNG ANH****Thời gian: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****HƯỚNG DẪN GIẢI****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com**

| | | | | | |
|------|-------|-------|-----------|------------------|-----------------------------------|
| 1. A | 7. B | 13. A | 19. B | 25. True | 31. chemicals |
| 2. C | 8. C | 14. D | 20. D | 26. False | 32. Originally |
| 3. C | 9. D | 15. B | 21. A | 27. C | 33. uncovered |
| 4. B | 10. A | 16. A | 22. A | 28. C | 34. well-known |
| 5. A | 11. D | 17. B | 23. False | 29. naturally | 35. hold / organize an exhibition |
| 6. C | 12. C | 18. C | 24. True | 30. professional | 36. art exhibition |

37. was such good weather that our class had a great trip.**38.** if he were me, he would take the offer.**39.** They can't deliver the parcel today.**40.** is worth visiting.**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****1. A****Phương pháp:**

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.
- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

- A. traffic /'træfɪk/
- B. ancient /'eɪnʃənt/
- C. stadium /'steɪdiəm/
- D. danger /'deɪndʒə/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /æ/, các phương án còn lại phát âm /eɪ/.

Chọn A

2. C**Phương pháp:**

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.

- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. factor /'fæktə/

B. action /'æksjən/

C. produce /'prɒdju:s/

D. describe /dɪ'skraɪb/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /s/, các phương án còn lại phát âm /k/.

Chọn C

3. C

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định trọng âm chính của từ.

- Trọng âm là âm tiết khi đọc lên nghe như chứa dấu sắc trong tiếng Việt.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu trọng âm là dấu nháy trên ngay trước âm tiết.

- So sánh để chọn ra đáp án có trọng âm khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. heavy /'hevi/ => trọng âm 1

B. perfect /'pɜ:fɪkt/ => trọng âm 1

C. unique /ju:'ni:k/ => trọng âm 2

D. crowded /'kraʊdɪd/ => trọng âm 1

Phương án C có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn C

4. B

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định trọng âm chính của từ.

- Trọng âm là âm tiết khi đọc lên nghe như chứa dấu sắc trong tiếng Việt.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu trọng âm là dấu nháy trên ngay trước âm tiết.

- So sánh để chọn ra đáp án có trọng âm khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. common /'kɒmən/ => trọng âm 1

B. extinct /ɪk'stɪŋkt/ => trọng âm 2

C. current /'kʌrənt/ => trọng âm 1

D. nervous /'nɜ:vəs/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

5. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

You look absolutely _____ in that dress. How lovely!

(Bạn trông thật _____ trong chiếc váy đó. Thật đáng yêu!)

Lời giải chi tiết:

- A. stunning (adj): tuyệt vời
- B. terrifying (adj): đáng sợ
- C. exciting (adj): thú vị
- D. depressing (adj): trầm cảm

Câu hoàn chỉnh: You look absolutely **stunning** in that dress. How lovely!

(Bạn trông thật tuyệt vời trong chiếc váy đó. Thật đáng yêu!)

Chọn A

6. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

A _____ history is a history that is under the surface that people might not think about.

(Một lịch sử _____ là một lịch sử nằm dưới bề mặt mà mọi người có thể không nghĩ tới.)

Lời giải chi tiết:

- A. ridden (v3): cưỡi
- B. driven (v3): điều khiển
- C. hidden (v3): ẩn giấu
- D. proven (v3): được chứng minh

Câu hoàn chỉnh: A **hidden** history is a history that is under the surface that people might not think about.

(Một lịch sử ẩn là một lịch sử nằm dưới bề mặt mà mọi người có thể không nghĩ tới.)

Chọn C

7. B

Phương pháp:

Dựa vào danh từ “the farm” để chọn giới từ đúng.

An ancient hoard was found _____ the farm near the town of Louth last month.

(Một kho báu cổ xưa đã được tìm thấy _____ trang trại gần thị trấn Louth vào tháng trước.)

Lời giải chi tiết:

Cụm từ “on the farm”: *trên trang trại*

Câu hoàn chỉnh: An ancient hoard was found **on** the farm near the town of Louth last month.

(Một kho báu cổ xưa đã được tìm thấy trên trang trại gần thị trấn Louth vào tháng trước.)

Chọn B

8. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

The hotel provides excellent _____ facilities for families including spa, pool, jacuzzi and sauna.

(Khách sạn cung cấp các tiện nghi _____ tuyệt vời cho gia đình bao gồm spa, hồ bơi, bồn tắm nước nóng và phòng xông hơi khô.)

Lời giải chi tiết:

A. expert (n): nhà chuyên gia

B. danger (n): mối nguy

C. leisure (n): giải trí

D. landmark (n): địa điểm nổi tiếng

Câu hoàn chỉnh: The hotel provides excellent **leisure** facilities for families including spa, pool, jacuzzi and sauna.

(Khách sạn cung cấp các tiện nghi giải trí tuyệt vời cho gia đình bao gồm spa, hồ bơi, bồn tắm nước nóng và phòng xông hơi khô.)

Chọn C

9. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các cụm động từ và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Phobia never _____ if you don't have the proper treatments.

(Chúng sợ hãi không bao giờ _____ nếu bạn không có phương pháp điều trị thích hợp.)

Lời giải chi tiết:

A. makes up (phr.v): bịa ra

B. takes off (phr.v): cất cánh, cởi

C. looked into (phr.v): điều tra, xem xét

D. goes away (phr.v): biến mất

Câu hoàn chỉnh: Phobia never **goes away** if you don't have the proper treatments.

(*Chứng sợ hãi sẽ không bao giờ biến mất nếu bạn không có phương pháp điều trị thích hợp.*)

Chọn D

10. A

Phương pháp:

- Dựa vào dấu hiệu thời gian “in 2004” để xác định cấu trúc thì quá khứ đơn.

- Dựa vào “by Richard Mason” để xác định được câu đang ở cấu trúc bị động.

_____ the coins _____ by Richard Mason in 2004?

(_____ những đồng tiền _____ bởi Richard Mason năm 2004?)

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc bị động với thì quá khứ đơn chủ ngữ số nhiều “the coins” (*những đồng xu*) ở dạng câu hỏi: Were + S + V3/ed + by + O + thời gian trong quá khứ?

Câu hoàn chỉnh: **Were the coins discovered** by Richard Mason in 2004?

(*Những đồng tiền này có phải được phát hiện bởi Richard Mason năm 2004 không?*)

Chọn A

11. D

Phương pháp:

Dựa vào “that” ở phía sau và tính từ “beautiful” để áp dụng cấu trúc mệnh đề chỉ kết quả tương ứng.

The meteor storm was _____ beautiful that we watched it all night.

(*Trận bão sao băng _____ đẹp đến nỗi chúng tôi đã xem nó suốt đêm.*)

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc mệnh đề chỉ kết quả:

S + be/ V + SUCH + cụm danh từ/ danh từ + THAT + mệnh đề = S + be + SO + adj + THAT + mệnh đề: *quá ... đến nỗi mà*

A. too...TO V_o (nguyên thể): *quá...đến nỗi không thể* => loại

B. enough....TO V_o (nguyên thể): *đủ để* => loại

C. such + (a/an) + adj + N: *quá...đến nỗi mà* => loại

D. so + adj + that: *quá...đến nỗi mà*

Câu hoàn chỉnh: The meteor storm was **so** beautiful that we watched it all night.

(*Trận bão sao băng quá đẹp đến nỗi chúng tôi đã xem nó suốt đêm.*)

Chọn D

12. C

Phương pháp:

Dùng cấu trúc câu tường thuật với động từ tường thuật ở dạng quá khứ “said” để chọn động từ chia thì đúng ở dạng V2/ed hoặc had V3/ed tùy vào ngữ cảnh của câu => loại các đáp án ở thì hiện tại.

She said she _____ Paris three times.

(Cô ấy nói rằng cô ấy _____ Paris ba lần.)

Lời giải chi tiết:

- A. visited => động từ ở thì quá khứ đơn.
- B. has visited => động từ ở thì hiện tại hoàn thành => loại
- C. had visited => động từ ở thì quá khứ hoàn thành
- D. can visit => động từ ở thì hiện tại => loại

Cấu trúc câu tường thuật: S + said + S + V (lùi thì).

“Three time” (3 lần) là dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành have/has V3/ed => lùi thì trong cấu trúc câu tường thuật sẽ thành had V3/ed.

Câu hoàn chỉnh: She said she **had visited** Paris three times.

(Cô ấy nói rằng cô ấy đã đến thăm Paris ba lần.)

Chọn C

13. A

Phương pháp:

- Dịch câu đề bài để hiểu ngữ cảnh của đoạn hội thoại.
- Dịch nghĩa các đáp án để chọn được câu phản hồi phù hợp nhất với lượt lời đã cho.

Lời giải chi tiết:

Trang: Em rất xin lỗi. Em phải nộp bài tập sau thời hạn. Máy tính xách tay của em không hoạt động bình thường. - *Cô Susan:* _____. Hãy cố gắng nộp vào ngày mai nhé.

- A. Không sao đâu, Trang.
- B. Thật là một sai lầm khủng khiếp, Trang.
- C. Không có gì, Trang.
- D. Cảm ơn em rất nhiều, Trang.

Chọn A

14. D

Phương pháp:

- Dịch câu đề bài để hiểu ngữ cảnh của đoạn hội thoại.
- Dịch nghĩa các đáp án để chọn được câu phản hồi phù hợp nhất với lượt lời đã cho.

Lời giải chi tiết:

Khách du lịch: Chúng tôi có thể thuê thuyền kayak để tự khám phá vịnh không? - *Nhà điều hành tour:*

- A. Chỉ trong mùa mưa.
- B. Không, không được phép vào các ngày trong tuần.
- C. Bạn cần mang theo thiết bị của riêng mình.
- D. Được, nhưng chỉ ở những khu vực an toàn.

Chọn D

15. B**Phương pháp:**

Quan sát biển báo và dịch nghĩa của các đáp án để chọn được đáp án phù hợp nhất với biển báo.

Lời giải chi tiết:

Biển báo ghi gì?

- A. Tắt điện thoại di động khi không sử dụng.
- B. Chuyển điện thoại di động sang chế độ im lặng.
- C. Tăng âm lượng để có thể nghe rõ hơn.
- D. Giảm âm lượng nhạc khi bạn ở một mình.

Chọn B

16. A**Phương pháp:**

Quan sát và dịch nghĩa để hiểu được tin nhắn, sau đó dịch nghĩa của các đáp án để chọn được đáp án phù hợp nhất với tin nhắn.

Nội dung tin nhắn:

Kính gửi quý khách,

Cố vấn kỳ nghỉ của chúng tôi có mặt tại phòng chờ mỗi ngày. 8-10 giờ sáng để đặt tour tham quan có hướng dẫn, bảo tàng, vé vào vườn, cười lạc đà.

Chúc quý khách có kỳ nghỉ vui vẻ.

Lời giải chi tiết:

Thông báo nói gì?

- A. Những người lưu trú tại khách sạn có thể sắp xếp các hoạt động thông qua khách sạn.
- B. Cố vấn kỳ nghỉ của khách sạn đi cùng khách trong các chuyến tham quan.
- C. Các chuyến tham quan hàng tuần bắt đầu từ khách sạn của chúng tôi.
- D. Có thể đặt tour có hướng dẫn viên từ 8 giờ sáng đến 10 giờ tối tại phòng chờ.

Chọn A

17. B**Phương pháp:**

- Nhìn vào các đáp án, thấy đề bài đang yêu cầu chọn dạng động từ rút gọn đầu câu khi có chung chủ ngữ "it"
=> loại các đáp án chia thì hoặc nguyên mẫu.

- Dịch nghĩa câu, nếu mang nghĩa chủ động chọn V-ing, nếu mang nghĩa bị động chọn V3/ed.

- construct (v): *xây dựng*

First _____ in the 18th-century, it was looted by Nazi troops in 1941 and taken to Königsberg Castle,
(Đầu tiên _____ vào thế kỷ 18, nó đã bị quân đội Đức Quốc xã cướp phá vào năm 1941 và được đưa đến
Lâu đài Königsberg,)

Lời giải chi tiết:

A. was constructed => bị động thì quá khứ đơn => loại

B. constructed => động từ được rút gọn ở dạng thể bị động Ved.

C. which constructed => đại từ quan hệ "which" (cái mà) không có đối tượng thay thế ở phía trước => loại

D. was that constructed => động từ chia thì quá khứ đơn => loại

Câu hoàn chỉnh: First **constructed** in the 18th-century, it was looted by Nazi troops in 1941 and taken to Konigsberg Castle,

(Được xây dựng lần đầu tiên vào thế kỷ 18, nó đã bị quân đội Đức Quốc xã cướp phá vào năm 1941 và được đưa đến Lâu đài Konigsberg,)

Chọn B

18. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

First constructed in the 18th-century, it was looted by Nazi troops in 1941 and taken to Konigsberg Castle, then part of Germany, for _____ as a spoil of war.

(Được xây dựng lần đầu tiên vào thế kỷ 18, nó đã bị quân đội Đức Quốc xã cướp phá vào năm 1941 và được đưa đến Lâu đài Konigsberg, khi đó là một phần của Đức, để _____ như một chiến lợi phẩm của chiến tranh.)

Lời giải chi tiết:

A. view (n): góc nhìn

B. expression (n): sự bày tỏ

C. display (n): trưng bày

D. gallery (n): phòng trưng bày

Câu hoàn chỉnh: First constructed in the 18th-century, it was looted by Nazi troops in 1941 and taken to Konigsberg Castle, then part of Germany, for **display** as a spoil of war.

(Được xây dựng lần đầu tiên vào thế kỷ 18, tòa nhà đã bị quân đội Đức Quốc xã cướp phá vào năm 1941 và được đưa đến Lâu đài Konigsberg, khi đó là một phần của Đức, để trưng bày như một chiến lợi phẩm chiến tranh.)

Chọn C

19. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

There are many theories about its whereabouts, _____ that it was destroyed in Allied firebombing in 1944.

(Có nhiều giả thuyết về nơi ở của nó, _____ rằng nó đã bị phá hủy trong cuộc ném bom của quân Đồng minh vào năm 1944.)

Lời giải chi tiết:

- A. containing (v-ing): chứa đựng
- B. including (v-ing): bao gồm
- C. covering (v-ing): bao phủ
- D. embracing (v-ing): chấp nhận, ủng hộ

Câu hoàn chỉnh: There are many theories about its whereabouts, **including** that it was destroyed in Allied firebombing in 1944.

(Có nhiều giả thuyết về nơi ở của nó, bao gồm cả giả thuyết nó đã bị phá hủy trong cuộc ném bom của quân Đồng minh vào năm 1944.)

Chọn B

20. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Other reports claim the panels were loaded _____ a German ship that was sunk by a Russian submarine.

(Các báo cáo khác cho rằng các tấm pin này được chất _____ một con tàu Đức bị tàu ngầm Nga đánh chìm.)

Lời giải chi tiết:

Cụm từ “load on a ship”: *chất lên tàu*

Câu hoàn chỉnh: Other reports claim the panels were loaded **on** a German ship that was sunk by a Russian submarine.

(Các báo cáo khác cho rằng các tấm pin này được chất lên một con tàu Đức bị tàu ngầm Nga đánh chìm.)

Chọn D

21. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

One clue suggests _____ some of it survived the war.

(Một manh mối cho thấy _____ một số trong số đó đã sống sót sau chiến tranh.)

Lời giải chi tiết:

- A. at least: ít nhất
- B. at all: hoàn toàn
- C. at once: ngay lập tức
- D. at times: thỉnh thoảng

Câu hoàn chỉnh: One clue suggests **at least** some of it survived the war.

(Một manh mối cho thấy ít nhất một số trong số đó vẫn còn tồn tại sau chiến tranh.)

Chọn A

22. A**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Meanwhile Polish divers are preparing to investigate crates spotted on the wreck of another German ship, the Karlsruhe, _____ by Russian warplanes in 1945

(Trong khi đó, thợ lặn Ba Lan đang chuẩn bị điều tra các thùng hàng được phát hiện trên xác tàu đắm của một con tàu Đức khác, Karlsruhe, _____ bởi máy bay chiến đấu của Nga vào năm 1945)

Lời giải chi tiết:

- A. sunk (v): chìm
- B. floated (v): nổi
- C. broken (v): vỡ
- D. swum (v): bơi

Câu hoàn chỉnh: Meanwhile Polish divers are preparing to investigate crates spotted on the wreck of another German ship, the Karlsruhe, **sunk** by Russian warplanes in 1945

(Trong khi đó, thợ lặn Ba Lan đang chuẩn bị điều tra các thùng hàng được phát hiện trên xác tàu đắm của một con tàu Đức khác, Karlsruhe, bị máy bay chiến đấu Nga đánh chìm vào năm 1945)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

A chamber made of amber panels and gems, and backed with gold leaf, the Amber Room of the Catherine Palace near St Petersburg was considered an eighth wonder of the world. First (17) **constructed** in the 18th-century, it was looted by Nazi troops in 1941 and taken to Königsberg Castle, then part of Germany, for (18) **display** as a spoil of war. In the final months of the war, with the Russians closing in on Königsberg, Hitler ordered the room to be moved again. It hasn't been seen since. There are many theories about its whereabouts, (19) **including** that it was destroyed in Allied firebombing in 1944. The castle was later razed to the ground on the orders of the Soviet leader Leonid Brezhnev. Other reports claim the panels were loaded (20) **on** a German ship that was sunk by a Russian submarine. Hopes that it might be found in a silver mine or at the

bottom of a lake were unfounded. One clue suggests (21) **at least** some of it survived the war. In 1997, a mosaic that formed part of the room was found in the home of a German soldier who helped to pack it up. A replica of the room, costing millions of dollars, and which took 24 years to build, was opened in St Petersburg in 2003. Meanwhile Polish divers are preparing to investigate crates spotted on the wreck of another German ship, the Karlsruhe, (22) **sunk** by Russian warplanes in 1945 - and which may include some of the missing panels.

Tam dịch

Một căn phòng được làm bằng các tấm hồ phách và đá quý, và được ốp bằng lá vàng, Phòng hồ phách của Cung điện Catherine gần St Petersburg được coi là kỳ quan thứ tám của thế giới. Đầu tiên (17) được xây dựng vào thế kỷ 18, nó đã bị quân đội Đức Quốc xã cướp phá vào năm 1941 và được đưa đến Lâu đài Königsberg, khi đó là một phần của Đức, để (18) trưng bày như một chiến lợi phẩm của chiến tranh. Trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến, khi quân Nga tiến gần đến Königsberg, Hitler đã ra lệnh di chuyển căn phòng một lần nữa. Kể từ đó, nó không còn được nhìn thấy nữa. Có nhiều giả thuyết về nơi ở của nó, (19) bao gồm cả việc nó đã bị phá hủy trong cuộc ném bom của quân Đồng minh vào năm 1944. Sau đó, lâu đài đã bị san phẳng theo lệnh của nhà lãnh đạo Liên Xô Leonid Brezhnev. Các báo cáo khác cho rằng các tấm hồ phách đã được chắt (20) lên một con tàu Đức bị tàu ngầm Nga đánh chìm. Hy vọng rằng nó có thể được tìm thấy trong một mỏ bạc hoặc dưới đáy hồ là không có cơ sở. Một manh mối cho thấy (21) ít nhất một số trong số đó đã tồn tại sau chiến tranh. Năm 1997, một bức tranh ghép tạo thành một phần của căn phòng đã được tìm thấy trong nhà của một người lính Đức đã giúp đóng gói nó. Một bản sao của căn phòng, tốn hàng triệu đô la và mất 24 năm để xây dựng, đã được mở tại St Petersburg vào năm 2003. Trong khi đó, các thợ lặn Ba Lan đang chuẩn bị điều tra các thùng được phát hiện trên xác tàu đắm của một con tàu Đức khác, Karlsruhe, bị máy bay chiến đấu của Nga (22) đánh chìm vào năm 1945 - và có thể bao gồm một số tấm ván bị mất.

Bài đọc hiểu:

Hue Imperial Citadel is a UNESCO World Heritage Site located in the city of Hue, Vietnam. It served as the political and cultural center of the Nguyen Dynasty, Vietnam's last royal dynasty, from 1802 until the dynasty's downfall in 1945. Hue Imperial City was founded in 1802 by Gia Long, the first emperor of the Nguyen Dynasty. During its peak, Hue Imperial City was a grand and impressive complex that included the Forbidden Purple City, the Imperial City, and the royal tombs. It was a center of political power, as well as a hub for cultural and artistic expression. Hue Imperial Citadel is not only a beautiful example of Vietnamese architecture and design, but it also holds significant cultural and historical value which plays a vital role in shaping Vietnamese culture and identity. The citadel is an impressive complex of palaces, temples, and gardens that showcases the unique architecture and artistry of Vietnamese culture. All the typically traditional Eastern architectures including majestic palaces, tombs and museums stand accordantly together to make an utmost amusing attraction – our Hue Imperial Citadel.

Tam dịch

Kinh thành Huế là một Di sản Thế giới được UNESCO công nhận, tọa lạc tại thành phố Huế, Việt Nam. Đây từng là trung tâm chính trị và văn hóa của triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, từ năm 1802 cho đến khi triều đại này sụp đổ vào năm 1945.

Kinh thành Huế được thành lập vào năm 1802 bởi Gia Long, vị hoàng đế đầu tiên của triều Nguyễn. Trong thời kỳ hưng thịnh, Kinh thành Huế là một quần thể đồ sộ và ấn tượng, bao gồm Tử Cấm Thành, Hoàng Thành và các lăng tẩm hoàng gia. Đây không chỉ là trung tâm quyền lực chính trị mà còn là nơi hội tụ của văn hóa và nghệ thuật.

Kinh thành Huế không chỉ là một kiệt tác kiến trúc và thiết kế truyền thống Việt Nam mà còn mang giá trị lịch sử và văn hóa sâu sắc, góp phần quan trọng trong việc định hình bản sắc văn hóa dân tộc. Quần thể di tích này bao gồm các cung điện, đền đài và khu vườn tuyệt đẹp, thể hiện sự độc đáo trong kiến trúc và nghệ thuật Việt Nam. Tất cả các công trình kiến trúc truyền thống phương Đông, từ những cung điện nguy nga, lăng tẩm đến các bảo tàng, đều hài hòa với nhau, tạo nên một điểm đến hấp dẫn bậc nhất – Kinh thành Huế của chúng ta.

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp thích hợp nhất.

23. False

The political and cultural center of Vietnam has been set in Vietnam since the Nguyen Dynasty.

(Trung tâm chính trị và văn hóa của Việt Nam đã được thiết lập tại Việt Nam kể từ thời nhà Nguyễn.)

Thông tin: It served as the political and cultural center of the Nguyen Dynasty, Vietnam's last royal dynasty, from 1802 until the dynasty's downfall in 1945.

(Đây là trung tâm chính trị và văn hóa của nhà Nguyễn, triều đại hoàng gia cuối cùng của Việt Nam, từ năm 1802 cho đến khi triều đại này sụp đổ vào năm 1945.)

Chọn False

24. True

The Nguyen Dynasty is the last dynasty of Vietnam, beginning in 1802 and ending in 1945.

(Nhà Nguyễn là triều đại cuối cùng của Việt Nam, bắt đầu từ năm 1802 và kết thúc vào năm 1945.)

Thông tin: It served as the political and cultural center of the Nguyen Dynasty, Vietnam's last royal dynasty, from 1802 until the dynasty's downfall in 1945.

(Đây là trung tâm chính trị và văn hóa của nhà Nguyễn, triều đại hoàng gia cuối cùng của Việt Nam, từ năm 1802 cho đến khi triều đại này sụp đổ vào năm 1945.)

Chọn True

25. True

Hue Imperial Citadel plays an important role in shaping the identity and culture of Viet Nam.

(Kinh thành Huế đóng vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc và văn hóa của Việt Nam.)

Thông tin: Hue Imperial Citadel is not only a beautiful example of Vietnamese architecture and design, but it also holds significant cultural and historical value which plays a vital role in shaping Vietnamese culture and identity.

(Kinh thành Huế không chỉ là một ví dụ tuyệt đẹp về kiến trúc và thiết kế của Việt Nam mà còn mang giá trị văn hóa và lịch sử quan trọng, đóng vai trò sống còn trong việc định hình văn hóa và bản sắc của Việt Nam.)

Chọn True

26. False

The uniqueness of the architecture is showcased only by the tombs and temples.

(Sự độc đáo của kiến trúc chỉ được thể hiện qua các lăng mộ và đền thờ.)

Thông tin: The citadel is an impressive complex of palaces, temples, and gardens that showcases the unique architecture and artistry of Vietnamese culture.

(Kinh thành là một quần thể ấn tượng gồm các cung điện, đền thờ và vườn hoa, thể hiện kiến trúc và nghệ thuật độc đáo của văn hóa Việt Nam.)

Chọn False

27. C

What can be served as the best title of the passage?

(Tiêu đề nào có thể được dùng làm tiêu đề hay nhất cho đoạn văn?)

A. The construction of Hue Imperial Citadel.

(Việc xây dựng Kinh thành Huế.)

B. The design of Hue Imperial Citadel.

(Thiết kế của Kinh thành Huế.)

C. The history and architecture of Hue Imperial Citadel.

(Lịch sử và kiến trúc của Kinh thành Huế.)

D. The culture of Hue Imperial Citadel.

(Văn hóa của Kinh thành Huế.)

Chọn C

28. C

What is not included in Hue Imperial Citadel?

(Những gì không có trong Kinh thành Huế?)

A. The Forbidden Purple City.

(Tử Cấm Thành.)

B. The Royal Tombs.

(Lăng tẩm.)

C. The World Heritage Site.

(Di sản thế giới.)

D. The Imperial City.

(*Kinh thành.*)

Thông tin: During its peak, Hue Imperial City was a grand and impressive complex that included the Forbidden Purple City, the Imperial City, and the royal tombs.

(*Vào thời kỳ đỉnh cao, Kinh thành Huế là một quần thể lớn và ấn tượng bao gồm Tử Cấm Thành, Kinh thành và các lăng tẩm.*)

Chọn C

29. naturally

Phương pháp:

- Dựa vào động từ “speak” để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.
- Dịch nghĩa của câu và tra từ điển từ gốc được cho để chọn được từ có nghĩa phù hợp nhất tạo thành câu hoàn chỉnh.

Don't be scared, just speak _____ and pretend the microphone isn't there.

(*Đừng sợ, chỉ cần nói _____ và giả vờ như micro không có ở đó.*)

Lời giải chi tiết:

Bổ nghĩa cho động từ “speak” (*nói*) cần một trạng từ.

nature (n): *tự nhiên* => naturally (adv): *một cách tự nhiên*

Câu hoàn chỉnh: Don't be scared, just speak **naturally** and pretend the microphone isn't there.

(*Đừng sợ, chỉ cần nói một cách tự nhiên và giả vờ như micro không có ở đó.*)

Đáp án: naturally

30. professional

Phương pháp:

- Dựa vào danh từ “advice” để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.
- Dịch nghĩa của câu và tra từ điển từ gốc được cho để chọn được từ có nghĩa phù hợp nhất tạo thành câu hoàn chỉnh.

Everyone considering buying a house should seek _____ advice.

(*Mọi người đang cân nhắc mua nhà nên tìm lời khuyên _____.*)

Lời giải chi tiết:

Trước danh từ “advice” (*lời khuyên*) cần dùng một tính từ.

profession (n): *ngành nghiệp* => professional (adj): *chuyên nghiệp*

Câu hoàn chỉnh: Everyone considering buying a house should seek **professional** advice.

(*Mọi người đang cân nhắc mua nhà nên tìm lời khuyên có chuyên môn.*)

Đáp án: professional

31. chemicals

Phương pháp:

- Dựa vào động từ “use” để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.

- Dịch nghĩa của câu và tra từ điển từ gốc được cho để chọn được từ có nghĩa phù hợp nhất tạo thành câu hoàn chỉnh.

Farmers use _____ to kill insects that would destroy their crops.

(*Nông dân sử dụng _____ để tiêu diệt côn trùng phá hoại mùa màng của họ.*)

Lời giải chi tiết:

Theo sau động từ “use” (*sử dụng*) cần dùng danh từ để câu hoàn chỉnh về nghĩa.

chemist (n): *nhà hoá học* => chemicals (n): *các chất hoá học*

Câu hoàn chỉnh: Farmers use **chemicals** to kill insects that would destroy their crops.

(*Nông dân sử dụng hóa chất để tiêu diệt côn trùng phá hoại mùa màng của họ.*)

Đáp án: chemicals

32. Originally

Phương pháp:

- Dựa vào vị trí đầu câu có đi kèm dấu phẩy để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.

- Dịch nghĩa của câu và tra từ điển từ gốc được cho để chọn được từ có nghĩa phù hợp nhất tạo thành câu hoàn chỉnh.

_____, we had planned a tour to Scotland, but we didn't go in the end.

(*_____, chúng tôi đã lên kế hoạch cho một chuyến đi đến Scotland, nhưng cuối cùng chúng tôi đã không đi.*)

Lời giải chi tiết:

Vị trí đầu câu kèm dấu phẩy, phía sau đã có hai mệnh đề hoàn chỉnh gồm chủ ngữ “we” và động từ “had planned – didn't go” => cần dùng trạng từ bổ nghĩa cho cả câu.

origin (n): *nguồn gốc* => originally (adv): *ban đầu*

Câu hoàn chỉnh: **Originally**, we had planned a tour to Scotland, but we didn't go in the end.

(*Ban đầu, chúng tôi đã lên kế hoạch cho một chuyến đi đến Scotland, nhưng cuối cùng chúng tôi đã không đi.*)

Đáp án: Originally

32. uncovered

Phương pháp:

- Dựa vào chủ ngữ “he” và động từ “gave” để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.

- Dịch nghĩa của câu và tra từ điển từ gốc được cho để chọn được từ có nghĩa phù hợp nhất tạo thành câu hoàn chỉnh.

When he _____ the picture of his family, he gave a cry of pain.

(*Khi anh ấy _____ bức ảnh gia đình mình, anh ấy đã kêu lên đau đớn.*)

Lời giải chi tiết:

Theo sau chủ ngữ “he” (*anh ấy*) cần một động từ chia thì. Trong câu đã có động từ chia thì quá khứ đơn “gave” nên vị trí trống cũng cần một động từ thì quá khứ đơn V2/ed.

cover (v): *che phủ* => uncover (v): *mở ra* => uncover (v2/ed).

Câu hoàn chỉnh: When he **uncovered** the picture of his family, he gave a cry of pain.

(*Khi anh ấy mở bức ảnh gia đình mình ra, anh ấy đã kêu lên đau đớn.*)

Đáp án: uncovered

34. well-known

Phương pháp:

- Dựa vào động từ “is” để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.
- Dịch nghĩa của câu và tra từ điển từ gốc được cho để chọn được từ có nghĩa phù hợp nhất tạo thành câu hoàn chỉnh.

The town is _____ for growing watermelons. They are the most famous produce of this town.

(*Thị trấn này _____ với việc trồng dưa hấu. Đây là sản phẩm nổi tiếng nhất của thị trấn này.*)

Lời giải chi tiết:

Theo sau động từ “is” cần một tính từ có thể kết hợp với giới từ “for”.

know (v): *biết* => well-known (adj): *nổi tiếng*

Câu hoàn chỉnh: The town is **well-known** for growing watermelons. They are the most famous produce of this town.

(*Thị trấn này nổi tiếng với nghề trồng dưa hấu. Đây là sản phẩm nổi tiếng nhất của thị trấn này.*)

Đáp án: well-known

35. hold / organize an exhibition

Phương pháp:

- Dựa vào động từ “will” để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.
- Dịch nghĩa của câu để hiểu ngữ cảnh và đọc mẫu thông tin được cung cấp để chọn cụm từ có nghĩa thích hợp tạo thành câu hoàn chỉnh.

The museum will _____ of black and white photographs next month. This annual event will take place at the National Museum from 12th to 24th of December.

(*Bảo tàng sẽ _____ ảnh đen trắng vào tháng tới. Sự kiện thường niên này sẽ diễn ra tại Bảo tàng Quốc gia từ ngày 12 đến ngày 24 tháng 12.*)

Lời giải chi tiết:

Theo sau động từ khuyết thiếu “will” (*sẽ*) cần một động từ ở dạng Vo (nguyên thể).

hold / organize an exhibition: *tổ chức một triển lãm*

Câu hoàn chỉnh: The museum will **hold / organize an exhibition** of black and white photographs next month.

This annual event will take place at the National Museum from 12th to 24th of December.

(*Bảo tàng sẽ tổ chức một triển lãm ảnh đen trắng vào tháng tới. Sự kiện thường niên này sẽ diễn ra tại Bảo tàng Quốc gia từ ngày 12 đến ngày 24 tháng 12.*)

Đáp án: hold / organize an exhibition

36. art exhibition

Phương pháp:

- Dựa vào tính từ sở hữu "its" để xác định từ loại cần điền vào chỗ trống.
- Dịch nghĩa của câu để hiểu ngữ cảnh và đọc mẫu thông tin được cung cấp để chọn cụm từ có nghĩa thích hợp tạo thành câu hoàn chỉnh.

VCCA starts its first _____ with the theme "4 seasons" featuring artworks of 18 contemporary Vietnamese and international artists.

(VCCA khai mạc _____ đầu tiên của nó với chủ đề "4 mùa" giới thiệu tác phẩm nghệ thuật của 18 nghệ sĩ đương đại Việt Nam và quốc tế.)

art exhibition (n): *triển lãm nghệ thuật*

solo exhibition (n): *cuộc triển lãm chỉ trưng bày của một nghệ sĩ duy nhất*

Lời giải chi tiết:

Theo sau tính từ sở hữu "its" (của nó) cần một danh từ.

Câu hoàn chỉnh: VCCA starts its first **art exhibition** with the theme "4 seasons" featuring artworks of 18 contemporary Vietnamese and international artists.

(VCCA khai mạc triển lãm nghệ thuật đầu tiên với chủ đề "4 mùa" giới thiệu tác phẩm nghệ thuật của 18 nghệ sĩ đương đại Việt Nam và quốc tế.)

Đáp án: art exhibition

37.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu để bài để hiểu ngữ cảnh và xác định thì của động từ "was".
- Dựa trên những từ được cho và liên hệ với kiến thức đã học để xác định cấu trúc cần áp dụng liên quan đến "such" để tạo thành câu có nghĩa tương ứng với câu đã có.

The weather was good enough for our class to have a great trip to Cu Chi Tunnels.

(Thời tiết đủ tốt để lớp chúng tôi có một chuyến đi tuyệt vời đến Địa đạo Củ Chi.)

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc viết câu với mệnh đề kết quả "such" thì quá khứ đơn: It + was + such + adj + N + that + S + V2/ed.

Câu hoàn chỉnh: **It was such good weather that our class had a great trip to Cu Chi Tunnels.**

(Thời tiết tốt đến mức lớp chúng tôi có một chuyến đi tuyệt vời đến Địa đạo Củ Chi.)

Đáp án: was such good weather that our class had a great trip

38.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu để bài để hiểu ngữ cảnh.
- Dựa trên từ được cho "said that" để xác định câu điều kiện dạng kể với động từ tường thuật "said"

"If I were you, I would take the offer," he said.

(“Nếu tôi là bạn, tôi sẽ nhận lời đề nghị,” anh ta nói.)

Lời giải chi tiết:

- Cấu trúc câu tường thuật dạng kể với động từ tường thuật “said”: S + said that + S + V(lùi thì)
- Tuy nhiên, nội dung câu nói đang ở câu điều kiện If loại 2 “If I were you” => không lùi thì động từ mà chỉ đổi đại từ nhân xưng thích hợp ngữ cảnh.

I (tôi) => he (anh ấy)

you (bạn) => me (tôi)

Câu hoàn chỉnh: **He said that if he were me, he would take the offer.**

(Anh ta nói rằng nếu anh ta là tôi, anh ta sẽ nhận lời đề nghị.)

Đáp án: if he were me, he would take the offer

39.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu ngữ cảnh.
- Dựa trên yêu cầu đề bài “Change into active voice” (Chuyển sang câu chủ động), chuyển câu bị động với động từ khiếm khuyết “can’t” sang câu chủ động mà không đổi nghĩa.

The parcel can’t be delivered today.

(Bưu kiện không thể được giao hôm nay.)

Lời giải chi tiết:

*Cấu trúc viết câu bị động sang câu chủ động với động từ khiếm khuyết “can’t”:

Bị động: S + can’t + be + V3/ed + (by O) thời gian.

Chủ động: O + can’t + Vo (nguyên thể) + S + thời gian.

Vì câu bị động được cho không có “by + O” nên cần 1 đại từ đóng vai trò chủ ngữ chỉ người nói chung => they (họ - thay cho bưu điện hoặc nhân viên giao hàng)

Câu hoàn chỉnh: **They can’t deliver the parcel today.**

(Họ không thể giao bưu kiện hôm nay.)

Đáp án: They can’t deliver the parcel today.

40.

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu ngữ cảnh và xác định thì của động từ “recommend”.
- Dựa trên yêu cầu đề bài, viết lại câu có chứa “worth” mà không thay đổi nghĩa.

I highly recommend that you visit the national museum.

(Tôi thực sự khuyên bạn nên tham quan bảo tàng quốc gia.)

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc viết câu với “worth” (xứng đáng) với chủ ngữ số ít “the national museum” (bảo tàng quốc gia) thì hiện tại đơn: S + is + worth + V-ing.

Câu hoàn chỉnh: **The national museum is worth visiting.**

(Bảo tàng quốc gia rất đáng để ghé thăm.)

Đáp án: is worth visiting